

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH  
QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/DS-PT

Ngày: 02-7-2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đinh Viết Nam.

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Thu Hà;

Ông Lê Thiết Hùng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thanh Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị:** Ông Lê Xuân An – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 27/5/2020, 02/6/2020 và 02/7/2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 33/2019/TLPT-DS ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2020/QĐ-PT ngày 17 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị H1; địa chỉ: Khu phố 3, Phường 1, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị.

2. Bị đơn: Ông Văn S và bà Huỳnh Thị Kim P; cùng địa chỉ: Thôn L, xã HP, huyện H, tỉnh Quảng Trị.

3. Người kháng cáo: Bà Trần Thị H1 là nguyên đơn trong vụ án.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/7/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị H1 trình bày:**

Ngày 20/4/2015, vợ chồng ông Văn S, bà Huỳnh Thị Kim P vay của bà Trần Thị H1 02 lần với tổng số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 23 tháng (từ 20/4/2015 đến 20/3/2017).

Ngày 06/5/2015, ông S và bà P vay tiếp của bà H1 100.000.000 đồng (vay không có thời hạn).

Ngày 28/6/2016, ông S và bà P vay tiếp của bà H1 150.000.000 đồng (vay không có thời hạn).

Ngày 24/7/2016, ông S và bà P vay tiếp của bà H1 200.000.000 đồng (vay không có thời hạn).

Tổng số tiền mà ông Văn S và bà Huỳnh Thị Kim P vay của bà Trần Thị H1 là 550.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 0,9%/năm, còn khoản vay lần thứ 2 ngày 20/4/2015 là do bà P vay riêng cho một người cháu.

Do ông S thường xuyên đi làm ăn xa nên các bên thống nhất để lại một khoảng trống ở phần dưới của giấy vay tiền ghi ngày 20/4/2015, để lúc nào ông S, bà P có nhu cầu vay thêm tiền thì ghi tiếp nội dung vào phần trống này. Lần vay thứ hai ngày 20/4/2015 và các lần vay ngày 06/5/2015, 28/6/2016, 24/7/2016 là do bà H1 ghi thêm vào giấy mượn tiền ngày 20/4/2015. Hai bên thỏa thuận đến ngày 20/3/2017 ông S, bà P trả cho bà H1 hết số tiền gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận. Tuy nhiên từ ngày vay đến nay ông S, bà P mới chỉ trả cho bà H1 32.000.000 đồng tiền lãi.

Do đó, bà H1 khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông S, bà P phải trả số tiền gốc 550.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi. Đối với khoản vay lần thứ hai ngày 20/4/2015 bà P vay riêng cho người cháu nên bà H1 không khởi kiện trong vụ án này mà sẽ yêu cầu bà P trả nợ riêng.

**Theo bản trình bày ý kiến ngày 25/9/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Văn S trình bày:**

Ông S thừa nhận vợ chồng ông có vay của bà H1 số tiền 100.000.000 đồng như nội dung ở phần trên của giấy vay tiền ghi ngày 20/4/2015, nhưng vợ chồng ông đã trả hết số tiền gốc và lãi của khoản vay này cho bà H1. Còn các nội dung “*ngày 20/4/2015 mượn thêm 100.000.000 đồng, ngày 06/5/2015 mượn thêm 100.000.000 đồng, ngày 28/6/2016 mượn thêm 150.000.000 đồng, ngày 24/7/2016 mượn thêm 200.000.000 đồng*” do bà H1 tự ghi thêm vào giấy mượn tiền ngày 20/4/2015, nên ông S không chấp nhận.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Kim P: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xác minh thấy rằng bà P không có mặt tại địa phương, hiện không rõ địa chỉ. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng, đồng thời thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng bà P vẫn không có văn bản trình bày ý kiến và không đến tham gia phiên họp, phiên tòa. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà P vẫn vắng mặt không có lý do.

Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện H quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự 2015, xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Văn S và bà Huỳnh Thị Kim P phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị H1 số tiền 100.000.000 đồng, theo giấy vay tiền đề ngày 20/4/2015.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H1 về việc buộc ông Văn S và bà Huỳnh Thị Kim P phải trả cho bà Trần Thị H1 số tiền 450.000.000 đồng, theo giấy vay tiền đề ngày 20/4/2015 do bà H1 tự ghi thêm nội dung: Ngày 06/5/2015 mượn thêm 100.000.000 đồng, ngày 28/6/2016 mượn thêm 150.000.000 đồng và ngày 24/7/2016 mượn thêm 200.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 29/11/2019, nguyên đơn bà Trần Thị H1 kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, buộc vợ chồng ông Văn S trả số tiền 545.000.000 đồng.

Lý do: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu buộc bị đơn trả số tiền 450.000.000 đồng do bà H1 ghi thêm trong giấy vay là không đúng. Việc bà H1 ghi thêm trong giấy vay 450.000.000 đồng là có sự đồng ý của vợ chồng ông S, bà P, xuất phát từ 03 giấy mượn tiền góp do bà P đã ghi.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 02/6/2020, HĐXX phúc thẩm đã quyết định tạm ngừng phiên tòa để tiến hành trưng cầu giám định chữ viết, chữ số trong Giấy vay tiền và tài liệu là cuốn sổ tay ghi chép mà bà H1 giao nộp tại giai đoạn phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 02/7/2020, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Tòa án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- *Về thủ tục tố tụng*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1, 4, 5 Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015 sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm theo hướng buộc vợ chồng bà Huỳnh Thị Kim P phải trả cho bà Trần Thị H1 số tiền 100.000.000 đồng, buộc bà Huỳnh Thị Kim P phải trả cho bà H1 số tiền 445.000.000 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

### **[1] Về tố tụng:**

- Về tính hợp pháp của kháng cáo: Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án ngày 19/11/2019 thì ngày 29/11/2019, nguyên đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Xét thấy kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định, phù hợp với quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý để giải quyết theo trình tự phúc thẩm đối với vụ án.

- Về quan hệ tranh chấp: Bà Trần Thị H1 khởi kiện yêu cầu ông Văn S và bà Huỳnh Thị Kim P trả nợ số tiền vay theo giấy vay tiền ngày 20/4/2015. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng.

### **[2] Về nội dung:**

*[2.1] Bà H1 kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Văn S và bà Huỳnh Thị Kim P trả số tiền 450.000.000 đồng là không đúng.*

HĐXX phúc thẩm thấy rằng:

Tại đơn kháng cáo cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, bà H1 thừa nhận các khoản vay ngày 06/5/2015, ngày 28/6/2016 và ngày 24/7/2016 là do bà H1 tự ghi thêm vào giấy vay tiền ngày 20/4/2015, cụ thể như sau:

Ngày 30/3/2016 (âm lịch) tức là ngày 06/5/2016 bà P mượn góp số tiền 100.000.000 đồng.

Ngày 24/5/2016 (âm lịch) tức là ngày 28/6/2016 bà P mượn góp số tiền 150.000.000 đồng.

Ngày 21/6/2016 (âm lịch) tức là ngày 24/7/2016 bà P mượn góp số tiền 200.000.000 đồng.

Bà H1 cho rằng việc ghi thêm tổng số tiền 450.000.000 đồng trên là có sự đồng ý của vợ chồng ông S, bà P, xuất phát từ 03 giấy mượn tiền góp mà bà P đã ghi, ông S đã đọc nội dung ghi thêm, đồng ý số nợ và ký vào giấy vay tiền. Tuy nhiên ông Văn S trình bày vợ chồng ông chỉ vay của bà Trần Thị H1 100.000.000 đồng ngày 20/4/2015 và đã trả hết cho bà H1 cả nợ gốc và lãi của khoản tiền này, các khoản vay khác do bà H1 tự ghi thêm nên ông không biết.

Theo văn bản trả lời kết quả giám định ngày 22/6/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị thì các chữ số, chữ viết trên cuốn sổ tay bìa màu đỏ do bà H1 giao nộp tại giai đoạn phúc thẩm và các chữ viết, chữ số “Huỳnh Thị Kim P”, “197227506”, “Văn S”, “Long Hưng – HP – H – QT”, “Trần Thị H1 (Lợi)”, “Khu phố 3 – P1, TX QTrị”, “100.000.000đ”, “Một trăm triệu đồng” và các chữ viết, chữ số liên quan đến việc trả lãi ở phần cuối Giấy vay tiền ngày 20/4/2015 là do cùng một người viết ra.

Theo lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa thì cả bà H1 và ông S đều thừa nhận phần chữ viết “Huỳnh Thị Kim P”, “Văn S” ở phần đầu Giấy vay tiền là chữ viết của bà P.

Như vậy, lời trình bày của các đương sự phù hợp với kết quả giám định của Công an tỉnh Quảng Trị. HĐXX có đủ cơ sở để khẳng định: Các khoản vay trên cuốn sổ tay bìa màu đỏ do bà H1 giao nộp tại giai đoạn phúc thẩm (tổng cộng 450.000.000 đồng) là các khoản tiền mà bà Huỳnh Thị Kim P vay của bà Trần Thị H1. Đây là các khoản vay riêng của bà P, ông Văn S không biết, bà P cũng không dùng số tiền này để phục vụ mục đích chung của gia đình, do đó cần buộc bà P trả cho bà H1 số tiền này, ông S không có nghĩa vụ liên đới cùng bà P trả nợ cho bà H1.

Số tiền bà P vay của bà H1 là 450.000.000 đồng nhưng theo bà H1 trình bày thì bà P đã trả 4.547.000 đồng, còn nợ 445.430.000 đồng. Do bà H1 chỉ yêu cầu số tiền 445.000.000 đồng và không yêu cầu phần lãi nên cần buộc bà Huỳnh Thị Kim P phải trả cho bà H1 số tiền 445.000.000 đồng.

[2.2] Khoản tiền 100.000.000 đồng mà bà P, ông S vay của bà H1 ngày 20/4/2015 (khoản vay đầu tiên) Tòa án sơ thẩm đã tuyên buộc ông S, bà P có nghĩa vụ phải trả cho bà H1. Ông S, bà P không kháng cáo và phần này cũng không bị Viện kiểm sát kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

[3] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập, xác minh, đánh giá chứng cứ theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Bản án sơ thẩm đã đánh giá một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ các tài liệu, chứng cứ để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Tuy nhiên, tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, nguyên đơn giao nộp cho Tòa án bản gốc cuốn sổ tay cá nhân ghi chép lại các khoản vay mà bà Huỳnh Thị Kim P đã vay của bà Trần Thị H1, phù hợp với các khoản vay mà bà H1 viết trên giấy vay tiền ngày 20/4/2015 giữa các bên và phù hợp với kết quả giám định của cơ quan Công an. Đây là chứng cứ mới phát sinh tại giai đoạn phúc thẩm. Do đó cần chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị H1 để sửa một phần bản án sơ thẩm của TAND huyện H như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ pháp luật.

[4] Về án phí và chi phí tố tụng khác:

- Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm, nguyên đơn không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về chi phí trưng cầu giám định: Bị đơn bà Huỳnh Thị Kim P phải chịu chi phí trưng cầu giám định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015: Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị H1, sửa một phần bản án dân sự sơ

thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Trị.

2. Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 38, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, 466, 470, 688 của Bộ luật dân sự 2015, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc ông Văn S và bà Huỳnh Thị Kim P có nghĩa vụ trả nợ chung cho bà Trần Thị H1 số tiền **100.000.000** (Một trăm triệu) đồng đối với khoản vay chung lần thứ nhất đề ngày 20/5/2015 trên Giấy vay tiền ngày 20/4/2015.

- Buộc bà Huỳnh Thị Kim P phải trả cho bà Trần Thị H1 số tiền **445.000.000** (Bốn trăm bốn mươi lăm triệu) đồng đối với các khoản vay đề ngày 06/5/2015, 28/6/2016, 24/7/2016 trên Giấy vay tiền ngày 20/4/2015.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.*

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

### **3. Về án phí và chi phí tố tụng khác:**

- *Về án phí:* Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Bà Trần Thị H1 không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho bà H1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.300.000 đồng, trong đó: 13.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2014/0006467 ngày 10/7/2019 và 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0002073 ngày 06/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Quảng Trị.

Bà Huỳnh Thị Kim P phải chịu 21.800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Văn S và bà Huỳnh Thị Kim P phải liên đới chịu 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- *Về chi phí trưng cầu giám định:*

Căn cứ Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự: Bà Huỳnh Thị Kim P phải chịu 5.000.000 đồng chi phí trưng cầu giám định. Số tiền này bà Trần Thị H1 đã nộp tạm ứng nên bà Huỳnh Thị Kim P có nghĩa vụ trả lại cho bà Trần Thị H1 số tiền **5.000.000** (Năm triệu) đồng.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- Lưu: HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Đinh Viết Nam**